

SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG ĐÓNG GÓP HIỆN VẬT CHO PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN TỈNH ĐỒNG NAI

Nguyễn Xuân Quyết^{1*}, Phạm Thị Mỹ Dung²

¹*NCS Khoa Kinh tế và PTNT, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

²*Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam*

Email : quyetan25@yahoo.com*

Ngày nhận bài: 07.12.2015

Ngày chấp nhận: 18.03.2016

TÓM TẮT

Đồng Nai là một tỉnh thuộc vùng Đông Nam bộ Việt Nam. Để phát triển nông thôn thì trước hết phải phát triển cơ sở hạ tầng (CSHT) giao thông nông thôn (GTNT), nhưng hiện nay tỷ lệ cứng hoá GTNT của tỉnh chỉ mới chiếm 51,8%. Nhu cầu đầu tư lớn mà nguồn lực của nhà nước lại hạn chế nên huy động đóng góp của cộng đồng là tất yếu. Nghiên cứu này nhằm phân tích thực trạng và đề xuất các giải pháp thúc đẩy tham gia của cộng đồng trong đóng góp hiện vật cho phát triển CSHT GTNT tỉnh Đồng Nai. Từ thông tin điều tra 438 hộ tại 4 huyện trong tỉnh Đồng Nai là: Nhơn Trạch, Trảng Bom, Vĩnh Cửu và Xuân Lộc cho thấy: (i) Đóng góp hiện vật rất phổ biến trong cộng đồng. Trong đó, nhiều nhất là đóng góp lao động (99,3% số hộ), sau đó là tiền (85,8%), đất (78,0%) và vật liệu (64,4%). (ii) Các yếu tố tác động đến đóng góp hiện vật gồm: tổ chức tham gia, lãnh đạo của chính quyền, cơ chế đóng góp, kinh tế hộ, nguồn thu nhập, tỷ lệ thu từ nông nghiệp, trình độ và giới tính chủ hộ, quan hệ xã hội, lợi ích của hộ từ CSHT GTNT; (iii) Các giải pháp đề xuất gồm xây dựng mô hình tham gia, cơ chế tham gia phù hợp; Tập huấn cho cộng đồng và đại diện cộng đồng; Tuyên truyền, vận động đóng góp hiện vật; Hỗ trợ phát triển kinh tế cho cộng đồng và thành viên cộng đồng.

Từ khóa: Cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn, cộng đồng, đóng góp hiện vật, tham gia.

Community's Participation in Physical Contribution to Development of Rural Traffic Infrastructure in Dong Nai Province

ABSTRACT

Dong Nai is a southeast province of Vietnam. For rural development, the rural traffic infrastructure is of primary priority but in Dong Nai at present the cemented/concrete proportion of rural traffic system accounts for 51.8% only. The large investment demand and limited state resource for rural traffic infrastructure dictates contribution from community. This research aimed to analyze the current situation and to suggest solutions to promote participation of community in physical contribution for development of Dong Nai Rural traffic infrastructure. Surveyed information of 438 households in 4 districts showed that: (i) physical contribution is popular in communities, especially contribution of labour (99.3% of households), followed by money (85.8%), land (78.0%) and materials (64.4%); (ii) Factors influencing physical contribution include participatory organization, authority leaders, contribution mechanism, households economics, income sources, revenue from agriculture, educational level and gender of household heads, social relationship, and household benefit from Rural traffic infrastructure; (iii) solutions suggested include establishment of suitable participatory model and mechanism, offering training to community and community representatives, propaganda and mobilization for physical contribution and support for economic development of community and community members.

Keywords: Community, participation; physical contribution, rural traffic infrastructure.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tổng kết việc thực hiện thí điểm Nghị quyết số 26/NQ-TW về “Nông nghiệp nông dân và

nông thôn” (BCH TƯ Đảng, 2008) và Quyết định số 800/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020

(TTCP, 2010) cho thấy tuy chương trình đã đạt được một số thành tựu bước đầu nhưng nhìn chung KT - XH đại bộ phận vùng nông thôn còn kém phát triển, trong đó có nguyên nhân do sự yếu kém về hệ thống cơ sở hạ tầng (CSHT) giao thông nông thôn (GTNT).

Từ nay đến năm 2020, Việt Nam cần khoảng 150-160 tỉ USD cho đầu tư CSHT, trong đó đầu tư cho CSHT giao thông đường bộ 53 tỉ USD (Bộ GTVT, 2011). Với khả năng hiện nay Nhà nước chỉ đáp ứng được khoảng 50% nhu cầu đầu tư, vì vậy tham gia đóng góp của mọi thành phần, cộng đồng, người dân hưởng lợi là rất cần thiết.

CSHT GTNT là một bộ phận của CSHT giao thông, chủ yếu gồm: CSHT đường bộ, đường thuỷ, cầu, cảng cấp huyện, xã, thôn, ngõ hẻm phục vụ đi lại nội bộ nông thôn và liên kết với hệ thống CSHT khác, nhằm phát triển sản xuất và phục vụ giao lưu kinh tế, văn hoá, xã hội của các địa phương.

Đồng Nai là một tỉnh thuộc vùng Đông Nam bộ của Việt Nam, phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận, Đông Bắc giáp Lâm Đồng, Tây Bắc giáp Bình Dương và Bình Phước, phía Nam giáp Bà Rịa - Vũng Tàu và phía Tây giáp TP.HCM. Một trong những điều kiện cho phát triển nông thôn Đồng Nai là phát triển CSHT GTNT. Đến cuối năm 2013 toàn tỉnh đã có 8.506km đường GTNT, trong đó tỷ lệ bê tông/nhựa hoá/cứng hoá chiếm 51,8% (Sở giao thông Đồng Nai, 2013). Đây là một thành tích đáng kể của tỉnh với sự tham gia đóng góp hiện vật của của cộng đồng bằng nhiều hình thức khác nhau. Tuy vậy phát triển CSHT GTNT vẫn còn nhiều hạn chế yếu kém, do đó, cần thiết phải nghiên cứu đề xuất thúc đẩy, khuyến khích sự tiếp tục tham gia đóng góp của cộng đồng ở mức độ cao hơn.

- Mục tiêu nghiên cứu: (i) Phân tích thực trạng tham gia đóng góp hiện vật của cộng đồng cho phát triển CSHT GTNT tỉnh Đồng Nai; (ii) Phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới tham gia đóng góp hiện vật của cộng đồng; (iii) Đề xuất một số giải pháp thúc đẩy tiếp tục tham gia đóng góp hiện vật của cộng đồng.

- Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu này tập trung vào tham gia của cộng đồng (người dân,

doanh nghiệp, tổ chức đoàn thể và chính quyền) trong đóng góp hiện vật (tiền, lao động, vật liệu và đất đai) cho phát triển CSHT GTNT liên quan đường bộ (đường liên xã, liên thôn, đường thôn và ngõ xóm).

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thu thập thông tin cho nghiên cứu

Ngoài việc khai thác các thông tin có sẵn thì nghiên cứu này chủ yếu sử dụng thông tin sơ cấp từ điều tra qua bảng hỏi với 438 hộ đại diện cho cộng đồng tại 4 huyện trong tỉnh Đồng Nai là Nhơn Trạch, Trảng Bom, Vĩnh Cửu và Xuân Lộc.

Bảng hỏi được thiết kế với các khối thông tin của các hộ dân; Hình thức và mức độ tham gia đóng góp hiện vật; Lý do đóng góp; Khả năng tiếp tục tham gia đóng góp trong thời gian tới... Các thông tin được nhập và xử lý qua Excel và SPSS.

Nghiên cứu cũng thực hiện một số khảo sát chuyên sâu từ thảo luận với một số cá thể cộng đồng người dân. Thông tin được trình bày qua các hộp nhằm minh họa cho các nhận định chung.

2.2. Phân tích đánh giá

- Phương pháp thống kê mô tả: phân tích đánh giá tình hình tham gia của cộng đồng trong đóng góp hiện vật cho phát triển CSHT GTNT.

- Phương pháp so sánh: sử dụng các thông tin, số liệu thu thập được, tiến hành so sánh các chỉ tiêu liên quan đến hình thức, mức độ tham gia đóng góp hiện vật của cộng đồng.

- Phương pháp kinh tế lượng, phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới sự tham gia đóng góp hiện vật của cộng đồng.

- Sử dụng mô hình hồi quy Binary Logistic và hàm phi tuyến đa biến (Đinh Phi Hổ, 2012) với các thông số như sau:

$$\ln \left[\frac{P(Y_j = 1)}{P(Y_j = 0)} \right] = \beta_0 + \sum_{i=1}^n \beta_i X_i$$

Trong đó:

+ P(Y_j = 1): xác suất cộng đồng có tham gia

+ P(Y_j = 0): xác suất cộng đồng không tham gia

- + β (0, $i = 1 \dots n$): mức độ tác động
- + X_i : các biến độc lập.
- Sử dụng chương trình SPSS 22.0 để phân tích mô hình.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tham gia của cộng đồng trong đóng góp hiện vật cho phát triển CSHT GTNT tỉnh Đồng Nai

Đóng góp bằng tiền của cộng đồng cho phát triển CSHT GTNT ngày càng tăng. Chỉ tính riêng giai đoạn 2006-2010 cộng đồng đã đóng góp hơn 38,7 tỷ đồng với đường xã trở xuống; năm 2012 là 97,64 tỷ đồng (chiếm 18% tổng số vốn đầu tư cho phát triển 432,69km đường); Năm 2013 là 89,93 tỷ đồng (chiếm 111,6 tỷ đồng cho phát triển 453,6km đường (Sở Giao thông Đồng Nai, 2013). Về lao động và vật liệu thì hầu hết các dự án công trình phát triển CSHT GTNT cấp xã trở xuống đều có sự đóng góp của cộng đồng. Các hình thức có thể là tự nguyện, trao đổi, thỏa thuận hay bắt buộc. Đóng góp

đất là phổ biến với việc mở rộng CSHT giao thông nói chung và GTNT nói riêng. Việc tham gia có thể tự nguyện, trao đổi (đền bù) nên phát sinh khiếu nại, khiếu kiện, tranh chấp, tiêu cực làm chậm tiến độ là phổ biến. Trên phạm vi cả tỉnh hiện nay không có số liệu thống kê chính thức về đóng góp lao động, vật liệu và đất của cộng đồng.

Theo kết quả khảo sát điểm 438 cá thể cộng đồng tại địa bàn nghiên cứu, có đến 98,4% số hộ tham gia đóng góp, đặc biệt có địa phương có kết quả 100% đóng góp, như Xuân Lộc và Trảng Bom,... chi tiết khảo sát sự tham gia của cộng đồng đối với các hoạt động tham gia đóng góp vật chất (tiền bạc, lao động, vật liệu, đất đai,...) cho phát triển CSHT GTNT như sau:

- *Góp bằng tiền*: Cao nhất là Trảng Bom với 154 hộ (97,5%), góp 353,5 triệu đồng, thấp nhất là Vĩnh Cửu 38 hộ (60,3%), góp 67,8 triệu đồng. Hầu hết cộng đồng người dân đều tích cực tham gia nhưng các địa phương có điều kiện kinh tế tốt và tổ chức tham gia công khai minh bạch thì kết quả cao hơn.

Bảng 1. Tham gia đóng góp vật chất của cộng đồng cho phát triển CSHT GTNT tỉnh Đồng Nai

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng
1	Số hộ điều tra	Hộ	438
2	Số hộ đóng góp tiền	Hộ	376 (Chiếm 85,8%)
	Mức góp thấp nhất	Triệu đồng	0,1
	Mức góp cao nhất	Triệu đồng	10,3
	Tổng số tiền đóng góp	Triệu đồng	930,0
3	Số hộ đóng góp lao động	Hộ	435 (Chiếm 99,3%)
	Mức thấp nhất	Ngày	1,0
	Mức cao nhất	Ngày	20,0
	Tổng số ngày công đóng góp	Ngày	3.864,0
4	Số hộ đóng góp vật liệu	Hộ	282 (Chiếm 64,4%)
	Mức thấp nhất	Triệu đồng	0,1
	Mức cao nhất	Triệu đồng	13,5
	Tổng giá trị vật liệu đóng góp	Triệu đồng	673,0
5	Số hộ đóng góp đất	Hộ	310 (Chiếm 78,0%)
	Mức thấp nhất	m ²	1,0
	Mức cao nhất	m ²	33,0
	Tổng số đất đóng góp	m ²	2.953,8

Nguồn: Số liệu điều tra, 2013

- *Góp bằng lao động*: Loại đóng góp này có tỷ lệ cao nhất với tư duy đơn giản là “không có điều kiện góp tiền bạc thì góp ngày công”. Nên trong công tác vận động sự tham gia cần lưu ý về điều kiện tham gia của cộng đồng sao cho việc khuyến khích sự tham gia là phù hợp nhất.

- *Góp bằng vật liệu*: Tùy điều kiện địa phương mà cộng đồng đóng góp các vật liệu khác nhau. Như Trạch chủ yếu góp đất, đá lát đường, xi măng và cây kè; Xuân Lộc góp cát và đá lát,...; Trảng Bom góp đá, đất và gạch vồ...; Vĩnh Cửu là gạch vồ, đá lát,... Tỷ lệ tham gia đóng góp vật liệu thấp hơn các hình thức khác vì điều kiện người dân trong cộng đồng là khác nhau nên với tư tưởng “có gì góp nấy”. Số này được quy đổi thành tiền theo đánh giá của cộng đồng.

- *Góp bằng đất*: Có 310 cá thể (chiếm 70,8% khảo sát) đóng góp được 2.953,8m² đất. Trong đó cao nhất là Nhơn Trạch, thấp nhất là Vĩnh Cửu. Việc góp đất của địa phương là khá tốt. Mức đóng góp phụ thuộc vào nhu cầu phát triển CSHT GTNT và công tác tuyên truyền vận động. Dù hàng năm tỷ lệ khiếu kiện, khiếu nại về đất đai liên quan tới đền bù, GPMB là phổ biến nhưng việc khuyến khích người dân đóng góp đất cho xây dựng, mở rộng đường nông thôn lại rất hiệu quả, đặc biệt là ở các địa phương có phong trào xây dựng nông thôn mới tốt, có tinh thần cộng đồng cao.

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới tham gia đóng góp hiện vật của cộng đồng cho phát triển CSHT GTNT

3.2.1. Ảnh hưởng của công tác tổ chức tham gia tới đóng góp hiện vật

Mỗi cộng đồng có những đặc điểm và thành phần riêng, nhu cầu phát triển CSHT GTNT của mỗi cộng đồng cũng khác nhau. Vì vậy, tổ chức tham gia tác động lớn đến sự đóng góp hiện vật. Tổ chức tham gia bao gồm: tuyên truyền, vận động, xác định mức độ tham gia, loại hiện vật có thể đóng góp, loại giao thông mà họ quan tâm...

Hộp 1. Chuyện đóng góp ngày công

“Khi đóng góp lao động và tiền bạc thì tâm lý bà con đều muốn ưu tiên làm đường ngõ hẻm, đường liên xóm, vì thiết thực với người dân. Vì vậy, thường đăng ký dự lao động tham gia, trong khi với các loại đường khác thì thiếu người làm... nên cộng đồng thường vận động, đôi khi yêu cầu điều chuyển bà con sang làm những công trình thiếu người một cách linh hoạt...”

Còn về việc đổi hình thức góp công thay vì góp tiền cũng khá phổ biến, do một số hộ gia đình có điều kiện kinh tế khó khăn... chúng tôi cũng châm chước... Ví dụ như nhà chị Doan, thuộc hộ nghèo của xã...

Nguồn: Phỏng vấn Ông Đỗ Xuân Đài, ấp 2, Xã An Viễn, Trảng Bom, Đồng Nai, ngày 17/5/2013

3.2.2. Ảnh hưởng của lãnh đạo chính quyền tới sự đóng góp của cộng đồng

Chính quyền không chỉ định hướng, tạo môi trường và có chính sách cho sự tham gia mà còn là sự đảm bảo lòng tin cho cộng đồng. Có những trường hợp việc của cộng đồng nhưng nếu không có chính quyền hỗ trợ cũng không giải quyết được.

Hộp 2. Chính quyền khuyến khích và tạo niềm tin cho sự tham gia của cộng đồng

“Hầu hết bà con đóng góp hiện vật cho xây dựng CSHT GTNT là vì niềm tin. Khi đã tin vào kết quả do họ tham gia đem lại thì họ sẽ tự nguyện. Có nhiều công trình kêu gọi bà con hiến đất làm đường hoài nhưng rất khó khăn nên địa phương đã tiến cử một lãnh đạo huyện xuống thăm các bậc cao niên của làng và xin ý kiến về việc mở đường cho địa phương. Vậy mà tự các cụ đề nghị thay chúng tôi đi vận động các hộ trong diện cần hiến đất, giải tỏa làm đường,.. và kết quả thật mỹ mãn do các cụ đề xuất là mỗi buổi phát thanh tôi có thêm mục Biểu dương các hộ gia đình hiến đất tự nguyện...”

Nguồn: Phỏng vấn Ông Hậu, 42 tuổi, Trưởng Ban Tam Nông, TP. Biên Hòa, Đồng Nai, ngày 06/9/2013

3.2.3. Ảnh hưởng của cơ chế và quản lý tới tham gia đóng góp hiện vật (Hộp 3)

Hộp 3. Nên thế nào với thủ tục tham gia

“Thủ tục pháp lý của chính quyền còn nặng tính hành chính,... như: việc bầu ra đại diện cộng đồng cho một dự án nào theo hướng dẫn của chính quyền đều phải họp đến 2-3 lần mới xong, rồi chờ chuẩn y cả tháng, việc hội họp của tổ chức cộng đồng cũng cần xin ý kiến chính quyền, tránh bị cho rằng tụ tập đông người, mất an ninh trật tự... Việc tham gia của cộng đồng thì hiện nay khá cứng nhắc vì khi đã đăng ký hình thức tham gia nào thì buộc phải thực hiện, không được thay đổi,... trong khi điều kiện tham gia của nhiều hộ gia đình có sự thay đổi do thời gian chờ đóng góp quá lâu,... Sao không xây dựng hẳn một bộ nguyên tắc cho hoạt động của cộng đồng và giao cho cộng đồng chủ động đề xuất có hơn không?...”

Nguồn: Phỏng vấn Bà Trần Thị Ngọc Dung, 43 tuổi, Cán sự Mặt trận tổ quốc xã Xuân Thành, Xuân Lộc, Đồng Nai, ngày 08/06/2014

3.2.4. Ảnh hưởng của các yếu tố nội tại của cộng đồng tới sự tham gia đóng góp hiện vật

*Các yếu tố ảnh hưởng tới tham gia góp tiền

Sử dụng mô hình hồi quy Binary Logistic đối với đóng góp tiền của cộng đồng - Y_1 là biến hồi qui nhị phân, với xác suất $Y_1 = P(Y_j) = 1$, tức cộng đồng có tham gia góp tiền; $Y_1 = P(Y_j) = 0$, tức cộng đồng không tham gia/không góp tiền; Do biến số độc lập trong hồi qui logistic là đa biến (Trong đó: X_1 - tuổi; X_2 - giới tính; X_3 - trình độ chuyên môn; X_4 - trình độ văn hoá; X_5 - số lao động chính trong hộ; X_6 - loại kinh tế hộ; X_7 - có người trong hộ làm cán bộ; X_8 - thu nhập bình quân/khẩu; X_9 - tỷ lệ thu nhập từ nông nghiệp; X_{10} - địa bàn sinh sống), nên sử dụng chuyển dạng logarithm tự nhiên cho hàm phi tuyến đa biến.

Sau khi chạy mô hình với số liệu khảo sát 438 hộ cá thể cộng đồng tham gia góp tiền bằng SPSS 22.0 cho hàm kết quả sau:

$$Y_1 = 2,975 + 0,015X_1 - 0,184X_2 + 0,075X_3 + 0,125X_4 - 0,128X_5 + 0,425X_6 - 0,061X_7 + 0,037X_8 + 0,023X_9 - 0,051X_{10}$$

Kiểm định hồi quy dựa trên mức ý nghĩa (Sig.) của kiểm định Wald cho thấy: Các biến từ $X_1 - X_5$ và X_7 có Sig. đều > 0,05, các biến tương quan không có ý nghĩa với biến Y_1 , độ tin cậy 95%; Biến X_6 (loại kinh tế hộ), có Sig < 0,1 tức có ý nghĩa với biến Y_1 , độ tin cậy 90%; Biến X_8 (thu nhập bình quân), X_9 (tỷ lệ thu nhập từ nông nghiệp) có Sig < 0,01 có ý nghĩa với biến Y_1 , độ tin cậy 99%.

Kết luận, Yếu tố thu nhập bình quân, tỷ lệ thu nhập từ nông nghiệp và loại kinh tế hộ có tác động trực tiếp đến việc góp tiền của cộng đồng cho phát triển CSHT GTNT; Cụ thể, cứ 100 hộ tăng bậc sắp loại thu nhập (từ bậc nghèo lên cận nghèo/ cận nghèo lên trung bình/ trung bình lên khá) sẽ tác động đến 42,5% số hộ quyết định góp tiền và cứ 1 triệu đồng thu nhập bình quân hộ và 1% tỷ lệ thu nhập từ nông nghiệp tăng thêm của hộ sẽ tác động tăng tương ứng với 3,7% và 2,3% giá trị tiền góp của cộng đồng.

* Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới sự tham gia đóng góp lao động

Cũng sử dụng mô hình hồi quy Binary Logistic đối với đóng góp ngày công lao động, với Y_2 là số ngày công mà cộng đồng đóng góp, giá trị của các biến tương ứng như trên được khảo sát từ 438 hộ cá thể cộng đồng và chạy mô hình cho hàm kết quả:

$$Y_2 = 122 + 0,115X_1 - 0,367X_2 - 3,573X_3 + 1,071X_4 - 0,145X_5 - 21,962X_6 + 7,424X_7 + 0,159X_8 - 0,029X_9 - 12,577X_{10}$$

Kiểm định hồi quy dựa trên mức ý nghĩa (Sig.) của kiểm định Wald với: biến $X_1, X_2, X_4 - X_6$ và $X_8 - X_{10}$ có Sig. đều > 0,05, không có ý nghĩa với Y_2 , độ tin cậy 95%; biến X_7 (hộ có người làm cán bộ) có Sig. = 0,012 < 0,02, có ý nghĩa với Y_2 , độ tin cậy 98%; biến X_3 (Trình độ chuyên môn) có Sig < 0,01, có ý nghĩa với Y_2 , độ tin cậy 99%.

Vậy, hộ có người là cán bộ có tác động rất lớn đến việc đóng góp ngày công, với mức cứ 01 hộ có cán bộ sẽ vận động được ít nhất 7,42 ngày công lao động cho phát triển CSHT GTNT, do hộ

có người làm cán bộ thường làm công tác tuyên truyền thông qua suy nghĩ “*cán bộ làm gương*”. Yếu tố trình độ chuyên môn của chủ hộ có tác động đến tổng số ngày công lao động được đóng góp với cứ 01 công lao động có chuyên môn làm việc thay thế hơn 3,57 công không có chuyên môn; Tuy vậy, trước khi kêu gọi lao động có trình độ chuyên môn cần khảo sát, sử dụng phù hợp nhằm hiệu quả sự tham gia, do có công việc chỉ cần lao động chân tay/không cần chuyên môn và ngược lại.

* Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới sự tham gia đóng góp vật liệu

Với Y_3 là giá trị vật liệu (được qui đồng thành tiền) mà cộng đồng đóng góp, giá trị của các biến tương ứng như trên được khảo sát từ 438 hộ cá thể cộng đồng và chạy mô hình cho hàm kết quả:

$$Y_3 = 0,480 + 0,003X_1 - 0,265X_2 + 0,507X_3 - 0,350X_4 + 0,022X_5 + 0,198X_6 + 0,057X_7 + 0,006X_8 + 0,004X_9 + 0,340X_{10}$$

Kiểm định hồi quy dựa trên mức ý nghĩa (Sig.) của kiểm định Wald thì: Biến X_1, X_2, X_4-X_9 có Sig.>0,05, các biến tương quan không có ý nghĩa với Y_3 , độ tin cậy 95%; biến X_{10} (địa bàn sinh sống/điều kiện tự nhiên) có Sig. = 0,017<0,02, có ý nghĩa với Y_3 , độ tin cậy 98%; biến X_3 (trình độ chuyên môn) có Sig. = 0,002<0,01, có ý nghĩa với Y_3 , độ tin cậy 99%.

Yếu tố trình độ chuyên môn có tác động khá cao đến đóng góp vật liệu, với mức dự báo cứ 01 người có trình độ chuyên môn sẽ đóng góp khoảng 0,51 triệu đồng vật liệu. Người có trình độ chuyên môn thường đề xuất nhiều hình thức tham gia khác nhau khi họ không có điều kiện tham gia các hình thức đã được thông báo như: đóng góp lao động, đất...; Địa bàn/điều kiện tự nhiên có tác động thúc đẩy cộng đồng góp vật liệu, với mức 01 hộ có điều kiện sẽ góp vật liệu trị giá 0,34 triệu đồng. Như vậy, đóng góp vật liệu phụ thuộc vào điều kiện, khả năng của cá thể cộng đồng là sẵn có tại chỗ hay có khả năng huy động nguồn vật liệu. Trong trường hợp các hình thức tham gia khác bị hạn chế thì giải pháp này được xem là rất hiệu quả bởi vì khuyến khích được nhiều cá thể cộng đồng tham

gia, tăng hình thức đóng góp, giải quyết hạn chế về khả năng kinh tế của cộng đồng người dân nông thôn, tạo sự công bằng trong cộng đồng.

* Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới sự tham gia đóng góp đất

Với Y_4 là số mét đất mà cộng đồng đóng góp, giá trị của các biến tương ứng như trên được khảo sát từ 438 hộ cá thể cộng đồng và chạy mô hình cho hàm cho kết quả:

$$Y_4 = 2,314 + 0,002X_1 - 0,394X_2 - 0,046X_3 + 0,071X_4 + 0,017X_5 - 0,103X_6 + 0,795X_7 - 0,017X_8 + 0,018X_9 + 0,220X_{10}$$

Kiểm định hồi quy dựa trên mức ý nghĩa (Sig.) của kiểm định Wald: Biến $X_1, X_3 - X_6, X_8, X_{10}$ có Sig. > 0,05, không có ý nghĩa với Y_4 , độ tin cậy 95%; biến X_2 (giới tính) và X_7 (hộ có cán bộ) có Sig. = 0,086 và 0,030 < 0,1, có ý nghĩa với Y_4 , với độ tin cậy 90%; biến X_9 (tỷ lệ thu nhập từ nông nghiệp) có Sig. = 0,002 < 0,01, có ý nghĩa với Y_4 , độ tin cậy 99%.

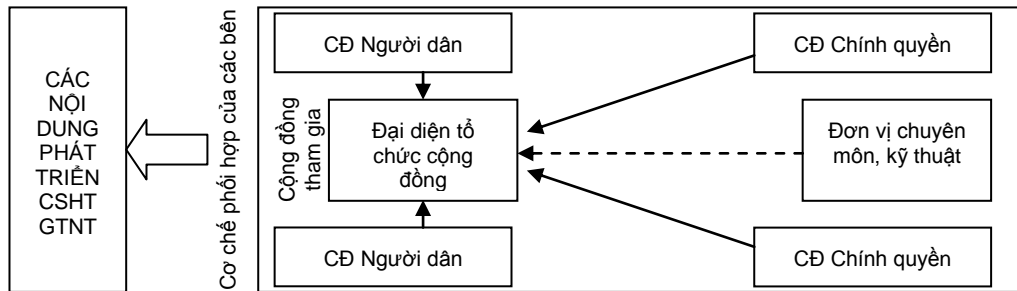
Như vậy, Yếu tố tỷ lệ thu từ nông nghiệp và hộ có người làm cán bộ tác động trực tiếp đến việc góp đất đai của cộng đồng. Trong đó, hộ có người làm cán bộ tác động đến đóng góp đất tốt hơn các hộ cá thể cộng đồng khác với mức cứ 01 cá thể hộ sẽ góp 0,795m đất, cũng được lí giải là “*cán bộ làm gương*”; Tác động của tỷ lệ thu nhập từ nông nghiệp chỉ là 1,8% được lí giải là người nông thôn có thu nhập thấp, giá đất cũng không cao, nên việc tăng tỷ lệ thu nhập từ nông nghiệp không tác động nhiều đến quyết định góp đất, mà việc tham gia đóng góp đất chỉ liên quan đến những hộ gần đường còn những hộ khác không đủ điều kiện thì dù muốn góp cũng không được góp.

3.3. Các giải pháp thúc đẩy cộng đồng tham gia đóng góp hiện vật cho phát triển CSHT GTNT Đồng Nai

3.3.1. Xây dựng mô hình thúc đẩy tham gia đóng góp phù hợp với đặc thù của từng địa phương

Xây dựng mô hình tham gia phù hợp với điều kiện đóng góp hiện vật nhằm khắc phục các rào cản khác biệt giữa nhu cầu tham gia và

Bảng 3. Mô hình tổng quát tham gia đóng góp hiện vật của cộng đồng trong phát triển CSHT GTNT



Chú giải:
 + Tham gia chính: ←
 + Tham gia hỗ trợ: ← - - -

điều kiện tham gia trong thực tế. Trên cơ sở xây dựng mô hình tham gia tổng quát thì mô hình tham gia đóng góp hiện vật được đề xuất như bảng 3.

Xác định rõ vai trò của 5 thành phần: (i) Chính quyền hỗ trợ và tạo môi trường dân chủ, minh bạch, tự nguyện trong đóng góp; (ii) Đoàn thể truyền thông, vận động; (iii) Đại diện cộng đồng quản lý, truyền thông, dẫn dắt, điều chỉnh và đánh giá sự tham gia; (iv) Cá thể cộng đồng trực tiếp đóng góp hiện vật và góp ý; (v) Đơn vị thực hiện trực tiếp thực hiện các công việc. Có thể do cộng đồng phân công hoặc thuê mượn. Số này làm theo yêu cầu của đại diện cộng đồng.

3.3.2. Xây dựng cơ chế đóng góp và cải tiến quản lý hiện vật phù hợp với điều kiện của cộng đồng

Để giúp các cá thể cộng đồng có thể đóng góp hiện vật theo quy định của cộng đồng dựa vào khả năng của mình thì cần xây dựng cơ chế, thảo luận thống nhất trong cộng đồng sau đó ban hành thực hiện. Cơ chế đóng góp hiện vật cần thể hiện được các nội dung sau: Các hình thức đóng góp hiện vật: Bắt buộc, bàn bạc, tự nguyện; Mức đóng góp bắt buộc cho mỗi loại CSHT GTNT; Những trường hợp được chuyển đổi loại hiện vật.

Về quản lý đóng góp cần có kế hoạch trước, thảo luận thống nhất và thực hiện thu kịp thời. Nếu chưa đến kỳ sử dụng thì cần bảo quản cất

giữ để không hư hỏng, mất mát. Việc thu nhận hiện vật cần được ghi chép rõ ràng và công khai cho cộng đồng biết.

3.3.3. Đẩy mạnh hoạt động tập huấn cho cộng đồng

Hoạt động tập huấn cộng đồng là một nhiệm vụ, chức năng và nội dung không thể thiếu trong công tác tổ chức và quản lý cộng đồng. Bởi vì, tổ chức cộng đồng là tập hợp các cá thể cộng đồng có nhận thức, hiểu biết, điều kiện,... khác nhau, dẫn đến việc tổ chức, quản lý là khó khăn. Hơn nữa, ở mỗi địa phương, mỗi bản làng đều có phong tục tập quán, thói quen sinh hoạt, ngôn ngữ, qui mô dự án khác nhau nên tập huấn, tập huấn lại là rất cần thiết. Tập huấn cộng đồng bao gồm:

+ Tập huấn tổ chức và quản lý cộng đồng liên quan đến kiến thức tổ chức và quản lý cộng đồng; phát triển CSHT GTNT; tham gia của cộng đồng; quản lý lao động, tài chính...; tuyên truyền, vận động sự tham gia.

Đối tượng được tập huấn là đại diện cộng đồng, các ban chuyên môn, đại diện chính quyền, đoàn thể và các đơn vị chuyên môn liên quan.

+ Tập huấn cộng đồng về các nội dung như cơ chế tham gia, nội dung tham gia, hình thức tham gia, mức độ tham gia, điều kiện tham gia, lợi ích tham gia; phương pháp và kế hoạch tham gia, yêu cầu trong tham gia và phản hồi....

Nội dung, phương pháp, thời gian, địa điểm tập huấn cần đơn giản, phù hợp điều kiện của cán bộ cộng đồng và các thành viên của cộng đồng.

3.3.4. Tăng cường tuyên truyền kêu gọi, vận động tham gia đóng góp hiện vật cho phát triển CSHT GTNT

Việc tuyên truyền, kêu gọi tham gia đóng góp hiện vật cho phát triển CSHT GTNT cần lồng ghép vào tuyên truyền theo các chương trình mục tiêu phát triển KT-XH của địa phương, là phương pháp hữu hiệu nhất để cộng đồng thấy được lợi ích mà việc tham gia đem lại. Từ đó, sẽ thúc đẩy tự nguyện tham gia cao nhất.

Sử dụng đa dạng các hình thức tuyên truyền vận động như: sử dụng mạng lưới xã hội địa phương (các tổ chức đoàn thể quần chúng, nhóm tổ, câu lạc bộ), sử dụng quan hệ gia đình, bạn bè giữa các cá thể cộng đồng, sử dụng các gương sáng trong cộng đồng.

Dựa vào điều kiện, hoàn cảnh của các cộng đồng, cá thể cộng đồng để tuyên truyền, vận động phù hợp hoàn cảnh, lợi ích và sự quan tâm thì sẽ có sự đóng góp cao hơn.

3.3.5. Hỗ trợ phát triển kinh tế cho cộng đồng

Yếu tố kinh tế có tác động đến hình thức đóng góp và mức độ đóng góp hiện vật. Kinh tế phát triển thì cộng đồng có khả năng cao trong đóng góp tiền và các vật liệu giá trị. Kinh tế kém phát triển thì cộng đồng chủ yếu đóng góp lao động và các vật liệu đơn giản.

Với cộng đồng nông thôn của Đồng Nai thì việc hỗ trợ phát triển kinh tế cho cộng đồng cần lưu ý: Khai thác thế mạnh của các vùng khác nhau để phát triển nông, lâm nghiệp ở các huyện thuần nông; Những huyện có nhiều khu công nghiệp như Trảng Bom thì phát triển kinh tế của cộng đồng ngoài nông nghiệp còn tập trung thương mại dịch vụ, làm việc trong khu công nghiệp; Phát triển kinh tế của các huyện nghèo có nhiều dân tộc thì việc khai thác các hỗ trợ từ chương trình giảm nghèo, các nguồn vốn giảm nghèo thông qua các dự án hỗ trợ sản xuất giảm nghèo bền vững.

4. KẾT LUẬN

- Tham gia đóng góp hiện vật cho phát triển CSHT GTNT là rất phổ biến. Trong đó, tỷ lệ tham gia đóng góp cao nhất là lao động (99,3% số hộ), sau đó là tiền (85,8%), đất (78,0%) và vật liệu (64,4%). Có sự chênh lệch lớn về mức đóng góp giữa các cộng đồng và các cá thể cộng đồng vì nhu cầu tham gia và điều kiện cộng đồng đa dạng.

- Các yếu tố ảnh hưởng đến đóng góp hiện vật nói chung là công tác tổ chức tham gia, sự lãnh đạo của chính quyền, cơ chế và quản lý đóng góp và các yếu tố nội tại của cộng đồng như: kinh tế hộ, nguồn thu nhập, tỷ lệ nguồn thu từ nông nghiệp, trình độ và giới tính chủ hộ, quan hệ xã hội, lợi ích của hộ từ CSHT GTNT.

- Ngoài các giải pháp chung thúc đẩy tham gia của cộng đồng thì với tham gia đóng góp hiện vật cho phát triển CSHT GTNT cần đặt trọng tâm vào các điểm sau: Xây dựng mô hình tham gia đóng góp phù hợp; Xây dựng cơ chế đóng góp và quản lý hiện vật với từng cộng đồng; Đẩy mạnh tập huấn cho cộng đồng, đại diện cộng đồng và các bên liên quan; Tăng cường tuyên truyền, vận động đóng góp hiện vật; Hỗ trợ phát triển kinh tế cho cộng đồng theo các hướng phù hợp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban chấp hành Trung ương Đảng (2008). Nghị quyết số 26/NQ-TW ngày 05/08/2008 của Hội nghị lần thứ 7, Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về “nông nghiệp, nông dân và nông thôn”, Hà Nội.
- Sở giao thông Đồng Nai (2013). Báo cáo tình hình xây dựng CSHT giao thông của tỉnh Đồng Nai.
- Bộ Giao thông vận tải (2011), Chiến lược quốc gia về GTNT Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
- Đinh Phi Hồ (2012). Phương pháp nghiên cứu định lượng và những nghiên cứu thực tiễn trong phát triển kinh tế nông thôn, Nhà xuất bản Phương Đông.
- Mai Thanh Cúc và Quyền Đình Hà (2005). Giáo trình phát triển nông thôn, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

Nguyễn Kim Liên (2008). Giáo trình Phát triển Cộng đồng, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, Hà Nội.

Nguyễn Xuân Quyết (2011). Quản lý Vốn đầu tư xây dựng CSHT khu công nghiệp tại huyện Trảng Bom, Đồng Nai. Luận văn thạc sỹ trường Đại học Nông nghiệp, Hà nội.

Sở giao thông Đồng Nai (2013). Báo cáo tình hình xây dựng CSHT giao thông của tỉnh Đồng Nai.

Thủ tướng chính phủ (2010). Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/06/2010, Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020, Hà Nội.